BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

----------ꕥ📖ꕥ---------

CAO ĐẠI ĐOÀN

QUẢN LÝ DẠY HỌC TẠI HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
MÃ SỐ: 62.14.01.14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2017

LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hằng**
2. PGS.TS. Đặng Quốc Bảo

Phản biện 1: **GS.TS Hoàng Chí Bảo**
Ban Tuyên giáo Trung ương

Phản biện 2: **GS.TS Phạm Hồng Quang**
Trường ĐHSP – Đại học Thái Nguyên

Phản biện 3: **TS. Thích Đức Thiện**
Học viện Phật giáo Việt Nam

Luận án được bảo vệ tại:Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp Trường

Họp tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vào hồi.....giờ……. ngày ..... tháng .... năm 2017

Có thể tìm đọc luận án tại:

- Thư viện Quốc gia, Hà Nội.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Cao Đại Đoàn (2013), *Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội trên hành trình phát triển mới*, Tạp chí Quản lý giáo dục - Học viện Quản lý giáo dục, số 51, 49-53.
2. Cao Đại Đoàn (2013), *Quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 98, 13-15.
3. Cao Đại Đoàn (2014), *Quản lý hoạt động dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 102, 46-49.
4. Cao Đại Đoàn (2014), *Thực trạng hoạt động dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, 94-96.
5. Cao Đại Đoàn (2014), *Biện pháp tăng cường quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 107, 17-19 và 57.
6. Cao Đại Đoàn, Nguyễn Thị Thu Hằng (2015), *Giáo dục Phật Giáo Việt Nam – nhìn từ kinh nghiệm của một số nước trên thế giới*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số đặc biệt, 185-188.
7. Cao Đại Đoàn, Nguyễn Thị Thu Hằng (2015), *Quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo tại Hà Nội*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 117, 87-90.
8. Cao Đại Đoàn (2015), *Đội ngũ giảng sư và tăng ni sinh trong giáo dục tăng tài - đôi điều suy nghĩ*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 118, 68-70.
9. Cao Đại Đoàn, Nguyễn Thị Thu Hằng (2016), *Đổi mới kế hoạch, phương pháp giảng dạy và học tập tại Học viện Phật Giáo Việt Nam*, Tạp chí Trường ĐHSP Hà Nội, số 61(1), 129-135.
10. Cao Đại Đoàn, Nguyễn Thị Thu Hằng (2017), *Quản lí hoạt động dạy học tại Học viện Phật giáo tại Việt Nam - thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội, số 62, 179-186.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Cơ sở lý luận

Trong lịch sử phát triển của giáo dục nói chung và của mỗi cơ sở đào tạo nói riêng, dạy học tồn tại như là một hiện tượng xã hội đặc biệt, đó là một quá trình hoạt động phối hợp giữa người người dạy và người học, nhờ đó mà mỗi cá nhân tham gia vào quá trình dạy học có thể làm phong phú vốn học vấn của mình bằng kho tàng trí tuệ của nhân loại thông qua quá trình dạy học.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Học viện Phật giáo Việt Nam đã đạt được những thành quả nhất định mà Giáo hội PGVN giao phó, nhưng hiện nay vẫn tồn tại bất cập so với xu thế phát triển của thế giới, của Giáo hội cũng như đòi hỏi của thực tiễn, đặc biệt là vấn đề quản lý dạy học (QLDH) của Học viện chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Vì vậy, thực tế hiện nay ở Học viện Phật giáo, việc nghiên cứu tìm ra cách thức QLDH nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trước yêu cầu đòi hỏi của thực tế hội nhập và phát triển là vấn đề vô cùng cấp bách, đây là một vấn đề mới và còn nhiều khoảng trống. Vì vậy, Luận án chọn nghiên cứu đề tài: **"Quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục"** nhằm góp phần nâng cao hiệu quả QLDH của Học viện, nâng cao chất lượng dạy và học của Hịc viện nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng cơ sở lí luận đặc trưng và phân tích thực trạng quản lý dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tại Học viện Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp quản lý dạy học tại Học viện PGVN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng đổi mới dạy học phát huy tính tích cực, hiệu quả và năng lực của người học, đáp ứng yêu cầu người học và nhu cầu xã hội.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở Học viện Phật giáo Việt Nam.

4. Giả thuyết khoa học

Hoạt động quản lý dạy học ở HVPGVN trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên trước yêu cầu đổi mới giáo dục còn bộc lộ những hạn chế cần tiếp tục khắc phục theo hướng: Quản lý dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, đổi mới nội dung chương trình dạy học, phát huy yếu tố tích cực của người học, phát triển năng lực của người học, ứng dụng công nghệ trong dạy học… Nếu đề xuất được những biện pháp quản lý dạy học dựa trên quá trình–chức năng cơ bản của quản lý, phù hợp các đặc điểm của HVPG VN

thì sẽ nâng cao chất lượng dạy học của HVPG VN, đáp ứng yêu cầu yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về dạy học và quản lý dạy học tại HVPG đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

5.2. Khảo sát đánh giá thực trạng dạy học và quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam.

5.3. Đề xuất biện pháp quản lý dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở Học viện Phật giáo Việt Nam.

5.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp đề xuất; thử nghiệm biện pháp quản lý dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tại HVPGVN.

6. Phạm vi và địa bàn nghiên cứu

6.1. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu đến các nội dung liên quan đến quản lý dạy học hệ đại học tại HVPGVN.

6.2. Địa bàn nghiên cứu

Học viện Phật giáo Việt Nam (4 Học viện trực thuộc Giáo hội quản lý), trong đó HVPGVN tại Hà Nội là địa bàn nghiên cứu chủ yếu và thực hiện khảo sát và thử nghiệm .

7. Tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Tiếp cận

- *Tiếp cận hệ thống:* QLDH là một hệ thống bao gồm các thành tố, các thành tố của hệ thống có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau và vận hành trong một môi trường không ngừng đổi mới.

- *Tiếp cận logic - lịch sử:* Chất lượng QLDH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tại HVPGVN luôn được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với tiến trình phát triển lịch sử, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi mới của thực tiễn, phù hợp với quy luật "vô thường" của Phật giáo.

- *Tiếp cận dạy học đại học:* Có nhiều mô hình QLDH, song đề tài bám sát vào mô hình QLDH đại học hiện đại và coi đây là một tiếp cận chính trong nghiên cứu thực tiễn và đề xuất biện pháp

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1 Phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh những tài liệu liên quan để xác định khung lý luận nghiên cứu.

7.2.2 Phương pháp nghiên cứu

+ *Phương pháp quan sát:* Quan sát các hoạt động dạy của Giảng sư, hoạt động học của Tăng Ni sinh, cách QLDH tại Học viện Phật giáo Việt Nam.

+ *Phương pháp điều tra:* Lập mẫu phiếu điều tra, mẫu câu hỏi phỏng vấn sâu đối với các đối tượng là Tăng Ni sinh (đã tốt nghiệp và đang theo học), các

giảng sư (đã và đang trực tiếp giảng dạy), các cấp lãnh đạo của HVPGVN, một số Phật tử và một số đơn vị Phật sự ... Cụ thể: Mẫu điều tra 1: 300 Tăng Ni; Mẫu điều tra 2: 150 Giảng sư/Giáo thọ thuộc Học viện Phật giáo Việt Nam.

+ *Phương pháp phỏng vấn:* 10 Chư tôn giáo phẩm đã từng học tập, bồi dưỡng tại Học viện Phật giáo Việt Nam, hiện đang lãnh đạo Giáo hội và một số tỉnh thành phía Bắc, Trung, Nam (để Phỏng vấn sâu).

+ *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm*: Nghiêu cứu kinh nghiệp QLDH của các mô hình trường đại học hiện đại; các học viện Phật giáo trên thế giới để đề xuất các biện pháp QLDH phù hợp với Học viện Phật giáo Việt Nam.

+ *Phương pháp chuyên gia:* lấy ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực quản lý dạy về các biện pháp QLDH hiệu quả, phù hợp với thực trạng của Học viện Phật giáo Việt Nam và xu hướng đổi mới giáo dục.

7.2.3 Các phương pháp bổ trợ

- Sử dụng phương pháp thống kê toán học bằng các phần mềm Excel, SPSS để tính tần suất, điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tương quan hồi quy, t-test, tương quan spearman.

8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Việc đổi mới QL dạy học là một trong những đòi hỏi cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy học của một cơ sở đào tạo, khi đó các chủ thể quản lý căn cứ vào các quan điểm chỉ đạo về đổi mới giáo dục - đào tạo để hoạch định các biện pháp quản lý nhằm tác động vào các đối tượng, các hoạt động và các thành tố trong dạy học, để hoạt động này vận hành một cách hiệu quả nhất, vì đây là hoạt động cốt lõi quyết định chất lượng của mỗi cơ sở đào tạo.

8.2. Quản lý dạy học trong bối cảnh đổi mới cần đề cập đến mối quan hệ tương tác giữa hai chủ thể chính là quản lý người dạy với hoạt động dạy và quản lý người học với hoạt động học, mức độ tương tác giữa hai chủ thể này làm nên tính tích cực và hiệu quả của dạy học. Ngoài ra còn quản lý môi trường dạy học, các điều kiện phục vụ dạy học như: trang thiết bị, quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học…, các thành tố này không tồn tại độc lập mà có mối liên hệ, tác động qua lại, chế ước lẫn nhau, tạo động lực để cùng nhau vận động và phát triển, trong đó quan trọng nhất là hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

8.3. Quản lý dạy học tại HVPGVN có nhiều điểm đặc thù về tổ chức và thể chế bên cạnh những đặc điểm chung của dạy học đại học thể hiện ở các thành tố căn bản như: Mục tiêu và nội dung dạy học; Giảng sư, Tăng Ni sinh, Môi trường tu, học; các thành tố này cần được quản lý để cùng vận hành trong dạy học nhằm góp phần đào tạo nên các Tăng, Ni có năng lực hoàn thành phương châm: Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội. Do vẫn còn có những bất cập đối với các thành tố, chưa đạt được các yêu cầu mong muốn, vì vậy cần nghiên cứu đổi mới quản lý dạy học tại Học viện theo hướng tương tác phù hợp hơn nữa giữa các thành tố để hoạt động này có hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

9. Đóng góp của luận án

9.1. Về mặt lý luận

Góp phần phát triển cơ sở lý luận về quản lý dạy học ở các Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

9.2. Về mặt thực tiễn

- Khái lược bức tranh thực trạng quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam trong khoảng thời gian gần nhất, từ đó có cái nhìn so sánh quan điểm chỉ đạo về đổi mới giáo dục tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI và lần thứ XII đồng thời nghiêm túc rút ra các bài học kinh nghiệm nhằm khắc phục các tồn tại yếu kém trong QLDH.

- Đề xuất các biện pháp QLDH phù hợp, có tính khả thi để nâng cao chất lượng QLDH ở Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được trình bày trong 3 chương căn bản:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Chương 2: Thực trạng quản lý dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Chương 3: Biện pháp quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở HỌC VIỆN PHẬT GIÁO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Các nghiên cứu về dạy học, quản lý dạy học

Luận án tìm hiểu các nghiên cứu ngoài nước, trong nước về các công trình nghiên cứu liên quan tới lý thuyết dạy học như thuyết hành vi, thuyết nhận thức; thuyết kiến tạo, lí thuyết tương tác; các mô hình QLDH như mô hình chất lượng CIPO; QLDH theo mô hình đào tạo tín chỉ từ đó đánh giá những mặt mạnh, thành công của các lý thuyết dạy học, các mô hình QLDH trên thế giới.

1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo

Luận án tìm hiểu các nghiên cứu ngoài nước điển hình ở các quốc gia Phật giáo phát triển mạnh như Thái Lan, Myanma, Ấn Độ và một số quốc gia khác để tìm mô hình quản lý đào tạo nói chung, QLDH hiệu quả.

Bên cạnh đó, luận án tìm hiểu các nghiên cứu trong nước đề cập đến chất lượng giáo dục tại Học viện Phật giáo Việt Nam như công trình của tác giả Thích Nguyên Đạt; Thích Nguyên Thành; Trần Anh Tuấn; Đại Đoàn Kết; Thích Thanh Thắng; Thích Hải Ân; Thích Đạo Quang luận bàn về các vấn đề dạy học, QLDH ở học viện, xác định những vấn đề yếu nhất cần khắc phục, những điểm mạnh cần được phát huy.

1.2. Một số khái niệm cơ bản của luận án

1.2.1. Quản lý

Người ta có thể tiếp cận khái niệm quản lý theo nhiều cách khác nhau, theo nhiều góc độ khác nhau. Trên thế giới có nhiều học giả như F.Taylor, Henry Fayol, Harold Koontz , Max Weber, Elton Mayo,….đưa ra những quan điểm của mình về khái niệm quản lí, có thể khái quát rút ra một khái niệm chung về quản lý như sau: Quản lý là sự tác động có mục đích, có biện pháp, có sáng tạo của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản của quản lý mà mục tiêu cuối cùng của quản lý là chất lượng sản phẩm vì lợi ích phục vụ con người.

1.2.2. Quản lý nhà trường

Có nhiều quan niệm khác nhau, luận án sử dụng khá niệm: Quản lý nhà trường là quá trình tác động có mục đích, có định hướng, có tính kế hoạch của các chủ thể quản lý (đứng đầu là Hiệu trưởng nhà trường) đến các đối tượng quản lý (giảng viên, người học, cán bộ công nhân viên, các bên liên quan...) và huy động, sử dụng có mục đích, hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện sứ mệnh của nhà trường đối với hệ thống giáo dục đào tạo, với cộng đồng và xã hội nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đã xác định trong một môi trường luôn biến động.

1.2.3. Dạy học

Tiếp cận dạy học từ góc độ giáo dục học: Dạy học, một trong các bộ phận của quá trình tổng thể giáo dục nhân cách toàn vẹn - là quá trình tác động qua

lại giữa người dạy (GS) và người học (TNS) nhằm truyền thụ và lĩnh hội tri thức khoa học, những kỹ năng và kỹ xảo hoạt động nhận thức và thực tiễn, để trên cơ sở đó hình thành thế giới quan, phát triển năng lực sáng tạo và xây dựng phát triển các phẩm chất của nhân cách người học theo mục đích giáo dục. Như vậy, dạy học là khái niệm chỉ quá trình hoạt động chung của người dạy và người học.

1.2.4. Quản lý dạy học

Từ các quan niệm nêu trên, chúng ta có thể khái quát: *QLDH là quá trình tác động có mục đích có kế hoạch thông qua cơ chế quản lý nhằm gây ảnh hưởng của chủ thể quản lý đến người dạy, người học, môi trường dạy học, nhằm đạt được mục đích của quá trình dạy học.*

1.3. Yêu cầu đổi mới giáo dục Phật giáo và các vấn đề đặt ra đối với quản lý giáo dục tại Học viện Phật giáo Việt Nam

1.3.1. Yêu cầu đổi mới giáo dục đối với giáo dục Phật giáo

Trước các yêu cầu cấp bách về đổi mới giáo dục của Việt Nam, xu thế hội nhập và giao lưu sâu rộng của Phật giáo trên thế giới, giáo dục Phật giáo cũng cần có những đổi mới.

Thứ nhất, giáo dục Phật giáo tạo ra được đội ngũ Tăng Ni, phục vụ đắc lực cho sứ mệnh tuyên giảng và hoằng dương pháp chính. Nội dung quan trọng nhất của giáo dục Phật giáo là Tâm vô lậu học, được tóm lược trong Giới, Định và Tuệ nhằm đạt được giác ngộ về bản chất cuộc đời.

Thứ hai, mục tiêu của giáo dục Phật giáo là hướng con người đến một xã hội, ổn định, hòa bình và phát triển. Giáo dục Phật giáo hướng tới giáo hóa chúng sinh, giải thoát những đau khổ đang khống chế, hoành hành con người. Đạo Phật xem như một con đường hoàn thiện đạo đức.

Thứ ba, yêu cầu phải có những tiêu chí và phương pháp dạy học rõ ràng đối với người dạy và người học. Phương pháp giảng dạy của Giảng sư hướng tới người học, sử dụng những phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng nghe (khế cơ). Giảng sư sử dụng phương pháp dạy học kết hợp với phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại, hỗ trợ tốt hơn cho Tăng Ni sinh trong quá trình học tập.

Thứ tư, những quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người dạy và người học. Để phát huy tốt hơn nữa vai trò và vị thế của Phật giáo Việt Nam đối với dân tộc trong bối cảnh hiện nay, Phật giáo cần phải có sự quan tâm nhiều hơn, có hiệu quả hơn tới việc trang nghiêm

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống chương trình đào tạo của các trường đào tạo về Phật giáo. Hệ thống chương trình đào tạo của các trường lớp hiện nay không đồng bộ nên chương trình giảng dạy là không thể thống nhất về nội dung. Ban giáo dục Tăng, Ni TW cần đổi mới và củng cố hệ thống giáo dục Phật giáothật mạnh trước hết là hệ thống trường lớp phải đồng bộ và thống nhất từ trên xuống dưới trong cả nước theo phương thức đào tạo tín chỉ. Cần mở

rộng đối tượng tuyển sinh, Tăng Ni tốt nghiệp phổ thông trung học có quyền thi tuyển đại học Phật giáo (hiện nay chưa được chấp nhận).

Thứ sáu, đưa ra các quy định về tiêu chí trường lớp, chỉ tiêu chiêu sinh.

Trước những đòi hỏi của đổi mới giáo dục, xu hướng đổi mới trong giáo dục Phật giáo không thể không đặt ra, vấn đề truyền thống và hiện đại trong việc tu chứng, hành đạo, trong việc hoằng dương Phật pháp, trong công việc hành chính đạo… cũng đang là một thách thức đối với Phật giáo Việt Nam hiện nay.

1.3.2. Yêu cầu đặt ra với quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Xét về tầm vĩ mô, hoàn thiện hệ thống quản lý giáo dục Phật giáo hiện nay để tăng cường tính liên thông và hợp tác.

Tăng cường sự quản lí của Hội đồng Điều hành và được trình duyệt qua cơ quan quản lý cấp trên, đảm bảo tính khả thi, nhằm đạt mục tiêu dạy học của Học viện: Dạy học trong Phật giáo nhằm chuyển hoá con người thành trí tuệ giác ngộ, hành động chân chính và đạt đến kết quả hạnh phúc an vui.

Quản lý việc xây dựng, thực hiện, phát triển chương trình dạy học theo mô hình phát triển năng lực của TNS, bên cạnh việc hình thành kiến thức và hiểu biết thì cần coi trọng làm sao để phát triển năn lực phật sự cho TNS sau tốt nghiệp.

Thiết lập chương trình giảng dạy Phật học phù hợp trong hệ thống các trường đào tạo Phật học trong cả nước, bên cạnh đó quy định mẫu giáo án thiết kế phù hợp theo quy định, giáo trình thống nhất cho các cấp học

Xu thế của các học viện Phật giáo trên thế giới chuyển đổi từ thiết chế niên chỉ môn học sang thiết chế học phần nhằm tạo cơ sở cho việc tiến tới thiết chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ mà các đại học trong nước đang thực hiện. Điều này đặt ra cho các học viện Phật giáo phải hòa mình với dòng chảy của giáo dục Phật giáo trên thế giới, nhưng đồng thời giữ bản sắc, tính đặc thù của Phật giáo

1.4. Dạy học tại Học viện Phật giáo

1.4.1. Hoạt động dạy của GS

GS đều được đào tạo, tập huấn, có đầy đủ chuyên môn, kinh nghiệm và phương pháp sư phạm, kiến thức tâm lý giáo dục để giảng dạy, giáo dục TNS, Ni sinh. Kế thừa cách giảng dạy của Đức Phật là: giảng dạy rõ ràng, kết hợp biện chứng pháp, nhấn mạnh đạo đức nhiều hơn là triết học, dùng tinh thần trí tuệ, từ bi, ngôn ngữ phổ thông dễ hiểu là phương tiện dạy học, tất cả là pháp môn vĩ đại nhằm đạt tới thành công cho đạo pháp.

Việc vận dụng phối hợp các phương pháp giảng dạy, nhất là đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của TNS, tăng cường tương tác để TNS có cơ hội phát huy năng lực thực hiện, tính sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu là điều GS cần quan tâm.

Đối với đào tạo đại học Phật giáo, cần coi trọng kiến thức phương pháp luận, ý thức tự giác học tập, rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển

tư duy sáng tạo nhằm giúp TNS trở thành các nhà nghiên cứu giỏi, ứng dụng hành trì giỏi và dấn thân làm Phật sự có hiệu quả.

Việc xây dựng đội ngũ GS cơ hữu ổn định, mạnh về chuyên môn, đạt chuẩn văn bằng và các yêu cầu đặc thù tại Học viện là thực sự cần thiết, theo đó Học viện cần có lộ trình quy hoạch phát triển đội ngũ GS chất lượng cho toàn hệ thống.

1.4.2. Hoạt động học của TNS

TNS cần được chọn lựa kỹ lưỡng từ đầu vào, xác định rõ mục tiêu học tập, xây dựng có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập tiên tiến, kết hợp giữa tu và học, học đi đôi với hành, dấn thân vào các Phật sự ngay trong quá trình học tập, cần được quản lý chặt chẽ bằng các quy định dành cho TNS, bằng tự cam kết của tập thể TNS. Khi thống nhất quan điểm thì việc tuân thủ nội quy, quy ước trong học tập sẽ trở nên tự giác và không tạo cảm giác khô cứng bởi các quy định. Vì vậy việc tuyên truyền, giáo dục, thống nhất nội quy đối với TNS ngay từ đầu đối với mỗi khóa học, chương trình học, bài học là cần thiết. Tuy nhiên, GS và các nhà quản lý cũng cần lắng nghe phản hồi của TNS để có những điều chỉnh cho hợp lý vì mục tiêu cuối cùng của QLDH cũng là vì chất lượng học tập của TNS

1.4.3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của TNS

Sử dụng biện pháp đổi mới kiểm tra phù hợp trong từng buổi học, môn học, kết thúc khoá học để tạo nền nếp học tập tích cực cho TNS; đặc biệt là kiểm tra ý thức tu luyện, đạo hạnh của TNS trong sốt quá trình học tập, khắc sâu kỷ luật, đạo đức của một vị tu sĩ, nhận thức sâu sắc về nguyên tắc Phật giáo, văn hoá dân tộc, ý thức tự giác thực hiện các sự kiện Phật sự, chương trình thiện nguyện...Từ đó có đánh giá toàn diện TNS để đảm bảo chuẩn đầu ra phù hợp, ngày một nâng cao về chất lượng. Việc thay đổi cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong từng bài giảng, trong mỗi chương trình giảng dạy của HVPG phải cân nhắc để ngày một khách quan, khoa học, khi đó, kiểm tra, đánh giá sẽ tạo động lực để nâng cao chất lượng dạy - học, làm cho GS và TNS cùng nghiêm chỉnh hơn trong việc thực hiện hoạt động dạy và học.

1.4.4. Cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện dạy học

Việc xây dựng và phát triển chương trình dạy học cho từng môn học, khoá học, loại hình đào tạo tại Học viện là vấn đề các nhà quản lý cần lưu ý vì chương trình quyết định đến sự vận động đúng hướng và hiệu quả của dạy học, đáp ứng sự mong đợi của TNS và xã hội.

1.5. Quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo

1.5.1. Quản lý hoạt động dạy của Giảng sư

Lập kế hoạch hoạt động dạy trong quản lí dạy học rất quan trong, vì nó có khả năng ứng phó với những bất định và sự thay đổi. Tổ chức các nguồn lực trong đó bố trí các GS giảng dạy phù hợp, có những hoạt động chỉ đạo, kiểm tra đánh giá liên tục nhằm đảm bảo sự nghiêm túc, chặt chẽ trong các hoạt động giảng dạy.

1.5.2. Quản lý hoạt động học của Tăng Ni sinh

Quản lý hoạt động học của TNS nhằm theo dõi việc học hành, phẩm hạnh của TNS, ở đó có đầy đủ các điều kiện cần thiết cho TNS tu học, vì vậy không có nội trú thì không hình thành cơ sở ĐT Phật học vì thời gian tu học là lúc TNS xây dựng nội lực của mình trên cả 03 phương diện: kiến thức, đạo hạnh, thể chất mà các phương diện căn bản này chỉ được hoàn thiện trong môi trường đại chúng hoà hợp. Chỉ đạo dạy học của Viện trưởng cho thấy sự lãnh đạo đối với dạy học - hoạt động nền tảng trong quản lý cơ sở đào tạo, tạo nền nếp cho hoạt động này đạt mục tiêu đã đề ra và ngày một hoàn thiện.

1.5.3. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học của Tăng Ni sinh

Cần xác định các tiêu chí rõ ràng để kiểm tra, đánh giá TNS kể cả trong quá trình và các kì thi tiến tới xây dựng chuẩn đầu ra môn học, chương trình học cho từng hệ đào tạo, theo đó các quy định về kiểm tra, đánh giá phải được nghiên cứu và ban hành thống nhất, khi đó sẽ điều chỉnh hoạt động dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra theo quy định. Bản thân các chủ thể tham gia ra đề, tham gia kiểm tra, đánh giá cũng cần có trình độ tương xứng để đảm bảo tính khách quan và khoa học..

1.5.4. Quản lý phương tiện, cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ dạy học

Cơ sở vật chất của dạy học: giảng đường, phòng học, ký túc xá, phòng thực hành Phật pháp, môi trường thiền đường, khu thể thao, khu y tế học đường; các trang thiết bị phục vụ dạy học: hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin, mạng internet, phương tiện nghe nhìn, sách, báo, tạp chí cần thiết, đảm bảo điều kiện để TNS nội trú hoàn toàn tập trung cho học tập và rèn luyện, nâng cao chất lượng học tập.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

1.6.1. Nhóm yếu tố khách quan bao gồm: **(1)** Chính sách tôn giáo của quốc gia; (2)Truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục tập quán; đời sống tâm linh của người dân; (3)Môi trường tu học của Học viện Phật giáo Việt Nam

1.6.2. Nhóm yếu tố chủ quan bao gồm: **(1)** Cơ sở pháp lý và chính sách QLDH của Viện trưởng Học viện Phật giáo; (2) Sự quan tâm lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo; (3) Vai trò, năng lực của lãnh đạo Học viện; (4) Năng lực, phẩm chất của đội ngũ GS của Học viện; (5) Ý thức, động cơ học tập; năng lực học tập của các TNS

1.7. Kinh nghiệm về quản lý dạy học tại các Học viện Phật giáo trên Thế giới

Luận án tham khảo kinh nghiệm QLDH tại các học viện phật giáo trên thế giới như: Myanma; Trung Quốc; Ấn độ; Đài Loan; Thái Lan; các nước Phật giáo nguyên thủy - Tiểu thừa (Theravada), Hàn Quốc để làm cơ sở đề xuất cho chương 3.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

2.1. Khái quát về Học viện Phật giáo Việt Nam

2.1.1. Sơ lược lịch sử hình thành Học viện Phật giáo Việt Nam

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội là một trong bốn Học viện Phật giáo (Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Học viện Phật giáo Nam tông Khơ me tại Cần Thơ) trực thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Hội đồng điều hành, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội do Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam phê chuẩn theo đề nghị của Viện trưởng, cơ chế hoạt động quy định tại điều 4, chương III Quy chế hoạt động của Học viện PGVN gồm có: Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, thư ký và các Uỷ viên. Phòng Ban chức năng gồm có: Văn phòng, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên; Phòng tổ chức cán bộ và Kiểm soát; Phòng Nghiên cứu khoa học, đào tạo sau đại học và Quan hệ Quốc tế; Phòng tài vụ và Ban bảo trợ học đường. Các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ đào tạo gồm có 8 đơn vị cơ bản: Khoa Kinh tạng; Khoa Luật tạng; Khoa Luận tạng; Khoa Phật giáo sử; Khoa Quản trị cơ sở tự viện; Bộ môn Thế học; Trung tâm nghiên cứu, Bộ môn thuộc Học viện và các bộ môn thuộc khoa .

2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu hiện nay

2.2.1. Mục đích khảo sát

- Phát hiện và đánh giá sự đáp ứng của hoạt động QLDH, QLDH đáp ứng yêu cầu hiện nay đã đặt ra tại Học viện Phật giáo Việt Nam.;

- Phát hiện và đánh giá thực trạng QLDH đáp ứng yêu cầu đổi mới, so sánh giữa đánh giá của các khách thể khảo sát để có những kết luận về điểm mạnh, điểm yếu của các mặt QLDH tại Học viện đã đạt được, đưa gia những đề xuất biện pháp có tính cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả QLDH tại Học viện trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2.2.2. Mẫu khảo sát

Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling). Khảo sát lấy ý kiến khoảng 450 chủ thể liên quan đến trực tiếp đến QLĐT tại Học viện PGVN: Cán bộ lãnh đạo quản lý, GS kiêm chức, Cán bộ quản lý đào tạo có thâm niên (150), TNS khóa VII (300), bên cạnh đó, phỏng vấn sâu 10 trường hợp điển hình có hiểu biết sâu, kinh nghiệm về QLDH ở Hội đồng trị sự; Ban giáo dục Tăng Ni Trung ương, Hội đồng điều hành để có thêm nhận định mang nét thời sự về QLĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Học viện.

2.2.3. Nội dung khảo sát

+ Khảo sát trên các nội dung của HĐ dạy học: Hoạt động dạy của GS; hoạt động học của TNS; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ cho dạy học.

+ Với nội dung QLDH, luận án tiến hành khảo sát trên các lĩnh vực sau: Quản lý hoạt động dạy của GS; quản lý hoạt động học của TNS; Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập; QL phương tiện, cơ sở vật chất, điều kiện đảm bảo dạy học;

Khảo sát 08 yếu tố ảnh hưởng chủ yếu: Gồm nhóm yếu tố khách quan (3 tiêu chí thuộc thuộc nhóm yếu tố khách quan và (5 tiêu chí thuộc nhóm yếu tố chủ quan)

2.2.4. Quy trình nghiên cứu thực trạng

Luận án tiến hành khảo sát thực trạng theo các bước được trình bày trong hình 2.1.

Hình 2.1.Quy trình nghiên cứu

* Độ tin cậy của thang đo về QLDH tại Học viện Phật giáo Việt Nam: Với hệ số Cronbach alpha là .935, hệ số tương những biến quan sát (item) tương quan với biến tổng (item-total correlation) lớn hơn .30 và tổng trích phương sai là 75.930, thang đo đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực. Đây là những item trong thang đo chính thức. Đối với thang đo về thực trạng dạy học, hệ số Cronbach's Alpha là .747, phân tích nhân tố ở phụ lục 6 với tổng trích phương sai là 73.094%, hệ số tương những biến quan sát (item) tương quan với biến tổng (item-total correlation) lớn hơn .30, thang đo đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực.

Quy ước khoảng điểm tương đương với các mức độ:

1.00 – 1.80: Rất không đồng ý 1.81 – 2.60: Không đồng ý
2.61 – 3.40: Bình thường 3.41 – 4.20: Đồng ý
4.21 – 5.00: Rất đồng ý

2.3. Thực trạng dạy học ở Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

2.3.1. Thực trạng hoạt động dạy của GS

Bảng 2.3. Đánh giá của TNS đối với hoạt động dạy của GS tại HVPGVN

Mã	Item	TNS		
		$\overline{X}$	ĐLC	Thứ bậc
D1	GS nắm vững nội dung chương trình dạy học	4.11	0.77	1
D2	GS thực hiện kế hoạch giảng dạy theo đúng tiến độ	3.70	0.61	4
D3	GS truyền đạt còn TNS ghi nhận và tiếp thu kiến thức.	3.39	0.63	5
D4	GS sử dụng và phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp đặc thù trong dạy học Phật học	3.93	0.78	3
D5	GS luôn khuyến khích sự tranh luận, phát biểu của TNS trong lớp	3.16	0.90	6
D6	Dạy học theo hướng cá nhân hoá, phát huy hết khả năng của mỗi TNS	2.90	0.97	7
D7	GS thường xuyên sử dụng các trang thiết bị đồ dùng trong dạy học	3.94	0.68	2
D8	Ứng dụng CNTT trong dạy học	2.13	0.96	8

Nhận xét: Dữ liệu bảng trên cho thấy sự đánh giá của TNS với hoạt động giảng dạy của GS ở nhiều khía cạnh khác nhau có sự khác nhau. TNS có xu hướng đánh giá GS là người "nắm vững nội dung chương trình dạy học", đây là tiêu chí xếp thứ 1 với điểm trung bình là 4,11 (tương ứng với khoảng "Đồng ý"). Với tiêu chí đánh giá về mức độ thường xuyên "sử dụng các trang thiết bị, đồ dùng trong dạy học" cũng được các TNS đánh giá cao với điểm trung bình là 3,94, xếp thứ bậc 2. Tuy nhiên, khi được hỏi về "Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học" thì các GS không được đánh giá cao, chỉ với điểm trung bình là 2,13 (tương đương với khoảng "không đồng ý"), xếp thứ bậc 8/8 các item. Các phương pháp dạy học "theo hướng cá nhân hóa, phát huy hết khả năng của mỗi TNS" và "khuyến khích dự tranh luận, phát biểu của TNS trong lớp học" không được sử dụng thường xuyên, điều này thể hiện qua điểm trung bình đối với hai item này lần lượt là 3,16 và 2,90 tương đương với mức độ "Bình thường".

2.3.2. Thực trạng hoạt động học của TNS

Để tìm hiểu thực trạng hoạt động học của TNS luận án tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra, kết quả được thể hiện ở bảng sau

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động học của TNS

Mã	Item	TNS		
		$\overline{X}$	ĐLC	Thứ bậc
H1	Đọc và chuẩn bị bài ở nhà theo gợi ý của GS	3.92	0.75	3
H2	Chăm chú nghe giảng và ghi toàn bộ bài giảng	3.79	0.64	5
H3	Tham gia phát biểu tích cực trên lớp	2.32	1.21	8
H4	Tích cực thảo luận nhóm trên lớp	3.69	0.76	6
H5	Chăm chú nghe giảng và ghi toàn bộ bài giảng	3.99	0.79	2
H6	Tự giác khóa lễ buổi sáng, buổi chiều	4.03	0.76	1
H7	Thực hành thiền, ngồi thiền theo quy định	3.80	0.75	4
H8	Tham gia đầy đủ các giờ lao động theo quy định của học viện	3.63	0.68	7

Nhận xét, dữ liệu ở bảng 2.4 và phụ lục 7 cho thấy TNS rất tự giác trong các hoạt động học và tu, việc "Đọc và chuẩn bị bài ở nhà theo gợi ý của GS", "Chăm chú nghe giảng và ghi toàn bộ bài giảng", "Chăm chú nghe giảng và ghi toàn bộ bài giảng" được các TNS tự đánh giá khá cao với điểm trung bình từ 3,69 đến 3,92. Tuy nhiên, việc "Tham gia phát biểu tích cực trên lớp" của TNS còn yếu, với điểm trung bình là 2.32, tương ứng với mức độ "Không đồng ý"

Tu là hoạt động được các TNS đánh giá cao nhất với điểm trung bình là 4,03, "Tự giác khóa lễ buổi sáng, buổi chiều", "thực hành thiền, ngồi thiền theo quy định". Mặc dù xếp vị trí thứ 7/8 item nhưng phát biểu "Tham gia đầy đủ các giờ lao động theo quy định của học viện" của TNS có điểm trung bình là 3,63, ở mức độ "đồng ý".

Như vậy, hoạt động học của TNS có điểm yếu đó là việc tham gia phát biểu ở trên lớp, có thể bắt nguồn từ phương pháp giảng dạy của GS không khuyến khích hoặc chưa tạo cơ hội cho TNS tích cực phát biểu.

2.3.3. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của TNS

Kết quả khảo sát TNS về vấn đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập của TNS được thể hiện ở bảng 2.4

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của TNS

Mã	**Item**	**TNS**		
		$\overline{X}$	**ĐLC**	Thứ bậc
K1	Các bài kiểm tra được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau	2.42	1.13	5
K2	Thường xuyên kiểm tra kết quả học tập của TNS	3.89	0.71	2
K3	Các bài thi bao trùm được nội dung các môn học	3.61	0.71	4
K4	Thực hiện kiểm thi nghiêm túc	3.78	0.68	3
K5	Đánh giá đúng kết quả học tập của TNS	4.04	0.74	1

Nhận xét: Từ bảng 2.4 cho thấy, các TNS "không đồng ý" với phát biểu "các bài kiểm tra được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau" với điểm trung bình là 2.42, xếp thứ bậc 5. Tuy nhiên, TNS "đồng ý" với các nhận định "Các bài thi bao trùm được nội dung các môn học", các GS "Thường xuyên kiểm tra kết quả học tập của TNS". Các bài kiểm tra, đánh giá "đánh giá đúng kết quả học tập" của TNS và các kỳ thi thực hiện nghiêm túc. Đây cũng là những ưu điểm của vấn đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập của TNS tại Học viện Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, vấn đề cần lưu ý là việc đa dạng hóa các loại hình kiểm tra đánh giá để tăng cường tính khách quan hơn trong đánh giá là vấn đề học viện cần lưu tâm.

2.3.4. Thực trạng cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ dạy học

Đánh giá của TNS về cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ dạy học của học viện được thể hiện ở bảng 2.5.

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát thực trạng cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ dạy học

Mã	Item	TNS		
		$\overline{X}$	ĐLC	Thứ bậc
CS1	Chỗ ở thuận lợi cho TNS học tập	3.99	0.76	1
CS2	Thư viện đầy đủ sách, tài liệu tham khảo	3.88	0.71	3
CS3	Thư viện được kết nối internet	3.87	0.83	4
CS4	Các phương tiện dạy học đảm bảo	3.61	0.69	5
CS5	Phòng học được bố trí hợp lý	3.92	0.72	2
CS6	Học viện tạo thuận lợi TNS thực hành khoá tu, tham gia các sự kiện Phật sự	3.62	0.60	6

Nhận xét: Dữ liêu của bảng 2.5 phản ánh cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ dạy học TNS của học viện đã đáp ứng được nhu cầu của TNS. "Chỗ ở thuận lợi cho TNS học tập" được TNS đánh giá cao nhất với điểm trung bình là 3,99, xếp thứ 1. Các điều kiện cơ sở vật chất khác như "thư viện đầy đủ sách, tài liệu tham khảo", "được kết nối internet" "các phương tiện dạy học được đảm bảo" cho hoạt động học của TNS. Đặc biệt, học viện luôn "tạo thuận lợi cho TNS thực hành các khóa tu, tham gia các sự kiện của Phật sự", đây chính là điều kiện để TNS thực hành được những gì học trên lớp.

2.4. Thực trạng quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

2.4.1. Thực trạng quản lý hoạt động dạy GS

Để tìm hiểu thực trạng quản lý của đội ngũ này ra sao, luận án tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi và kết quả: Với điểm trung bình 3.06 đến 4.46 theo đánh giá của TNS, từ 3,03 đến 4,18 theo đánh giá của GS; quản lý hoạt động

dạy của GS được đánh giá ở mức "bình thường" đến mức độ "rất đồng ý". Mặc dù có những quan điểm khác nhau được thể hiện qua điểm trung bình theo đánh giá của GS và TNS. Tuy nhiên, sự khác biệt đó có ý nghĩa hay không phải được tiến hành kiểm định giá trị trung bình của hai mẫu điều tra.

Biểu đồ 2.1. Biểu đồ về thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của GS (theo đánh giá của đội ngũ GS, GS kiêm chức và TNS)

2.4.2. Thực trạng quản lý hoạt động học của TNS

Biểu đồ 2.2. Biểu đồ về thực trạng quản lý hoạt động học của TNS tại HVPGVN

Sau đây là tự đánh giá của TNS và đánh giá của GS về quản lý hoạt động học của TNS: quản lý hoạt động học được TNS và GS đánh giá từ mức độ "Bình thường" đến mức độ "Rất đồng ý". Có những tiêu chí có điểm trung bình bằng nhau, nhưng cũng có tiêu chí có điểm trung bình không bằng nhau.

2.4.3. Thực trạng quản lý kiểm tra đánh giá kết quả dạy học

Biểu đồ 2.3. Biểu đồ thực trạng quản kiểm tra đánh giá kết quả dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam

Để tìm hiểu thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của TNS, luận án sử dụng phương pháp điều tra .

Như vậy, sự đánh giá của TNS và GS có sự khác nhau về điểm trung bình, có thể phản ánh sự khác nhau trong quan điểm đánh giá về cùng một vấn đề. Sự khác biệt đó có ý nghĩa hay không có ý nghĩa, hoặc chỉ là sự khác biệt về mặt hình thức số học chứ không có ý nghĩa khác biệt về mặt giá trị, luận án tiến hành kiểm định giá trị trung bình của hai mẫu là TNS và GS để làm rõ vấn đề này.

Kiểm định giá trị trung bình của hai mẫu cho thấy về cơ bản có sự khác biệt giá trị trung bình của hai mẫu điều tra là có ý nghĩa, tức là đánh giá của TNS và GS có sự khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá về quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

2.4.4. Thực trạng quản lý các điều kiện dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam

Cơ sở vật chất của Học viện mang đặc thù môi trường đào tạo Phật học, tuy nhiên việc tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong đào tạo, dạy - học mới đang là vấn đề cần quan tâm thấu đáo.Tăng Ni sinh và Giảng sư đánh giá công tác này ở mức độ "bình thường" và "đồng ý"

*Kiểm định giá trị trung bình của hai mẫu độc lập cho thấy mặc dù có sự khác nhau về điểm trung bình nhưng không phải tất cả đều là khác biệt có ý nghĩa giữa đánh giá của TNS và GS. Với QP1, QP2, QP5, QP6, QP11 đều có Sig. trong kiểm định Levene lớn hơn 0,05, không có sự khác nhau về phương

sai, tuy nhiên, với Sig.(2-tailed) đều nhỏ hơn 0,05 phản ánh sự khác biệt về giá trị trung bình giữa hai mẫu là có ý nghĩa.

2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

2.5.1. Ảnh hưởng của nhóm yếu tố khách quan

Bảng 2.6: Ảnh hưởng của nhóm yếu tố khách quan đến QLDH tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới (theo đánh giá của GS, GS kiêm chức)

STT	Item	GS		
		$\overline{X}$	ĐLC	Thứ bậc
1	Chính sách tôn giáo của quốc gia	4.06	0.68	2
2	Truyền thống văn hoá, tâm lý; phong tục tập quán, đời sống tâm linh của người dân	3.64	0.63	3
3	Môi trường dạy học của Học viện Phật giáo Việt Nam	4.12	0.68	1

Nhận xét:

Bảng 2.5 cho thấy, yếu tố khách quan có ĐTBC: 3.94, đạt mức "Ảnh hưởng mạnh" trên thang đo, tức là ảnh hưởng gần như tất cả các lĩnh vực liên quan đến hiệu quả QLDH, trong đó các tiêu chí được cho là ảnh hưởng mạnh nhất chính là: "Môi trường dạy học của Học viện PGVN", TBC: 4,12 đạt mức "Ảnh hưởng mạnh" trên thang đo; "Chính sách tôn giáo của quốc gia, TBC: 4.06 cũng có "Ảnh hưởng mạnh", điều này cho thấy trên cơ sở định hướng và thực hiện các chính sách tôn giáo các Học viện Phật giáo mới có các phương án cụ thể trong chỉ đạo đổi mới QLDH cho tương thích, đảm bảo tôn chỉ: đạo pháp gắn liền với dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hòa nhập chung với sự phát triển của đất nước.

2.5.2. Ảnh hưởng của nhóm yếu tố chủ quan

Bảng 2.7: Ảnh hưởng của nhóm yếu tố chủ quan đến QLDH tại Học viện Phật giáo Việt Nam

TT	**Item**	GS		
		$\overline{X}$	ĐLC	Thứ bậc
1	Cơ sở pháp lý, chính sách QLDH của Học viện PGVN	4.24	0.65	2
2	Sự quan tâm của lãnh đạo GHPGV đối với QLDH HV	3.70	0.61	5
3	Vai trò, năng lực của Lãnh đạo HVPGVN	4.16	0.68	3
4	Năng lực, phẩm chất của đội ngũ GS Học viện	4.00	0.72	4
5	Ý thức, động cơ học tập, năng lực học tập của TNS	4.28	0.64	1

Nhận xét: Bảng 2.7 cho thấy Ảnh hưởng của nhóm các yếu tố chủ quan đến QLDH đáp ứng yêu cầu ĐMGD mạnh hơn nhóm các yếu tố khách quan. Yếu tố chủ quan có ĐTBC: 4.07 cao hơn yếu tố khách quan, đạt mức "Ảnh hưởng mạnh ảnh hưởng mạnh". Yếu tố ảnh hưởng mạnh nhưng có điểm thấp nhất là: "Sự quan tâm của lãnh đạo GHPGVN đối với QLDH Học viện",TBC: 3.70.

2.6. Nhận xét chung thực trạng quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam

2.3.1. Mặt mạnh

Thông qua nghiên cứu thực trạng cho thấy, mặt mạnh nhất trong QLDH đáp ứng yêu cầu ĐMDH hiện nay của Học viện là thực hiện đổi mới mục tiêu dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng dạy học và đổi mới hoạt động giảng dạy của đội ngũ GS. Đây là các vấn đề mà Học viện có thể chỉ đạo đổi mới trong từng năm học, khóa học, từng giai đoạn vì nó thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng điều hành cũng như nằm trong chương trình hoạt động cơ bản của Học viện có thể chủ động nên kết quả đổi mới là khả quan và rõ nét.

2.3.2. Mặt yếu

Kết hợp kết quả phỏng vấn sâu, quan sát và khảo sát cho thấy, Học viện còn nhiều khó khăn thách thức trong việc QLDH đáp ứng yêu cầu ĐMGD.

Về quản lý điều hành: Thượng tầng quản lý giáo dục của các Học viện là Thường trực Hội đồng Trị sự, Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương chỉ đóng vai trò tham mưu tư vấn (*mọi hoạt động các Ban Ngành Viện TƯ phải được thông qua Hội nghi thường niên của TƯGH*), nên cơ chế quản lý còn lỏng lẻo.

Việc áp dụng các phương pháp dạy học tăng cường tự học, kích thích tư duy của TNS còn chưa được chú trọng, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học còn hạn chế.

TNS thụ động trong quá trình học

Nguồn lực tài chính cho các hoạt động của các Học viện Phật giáo đều tùy thuộc vào sự hỗ trợ của các nhà hảo tâm, không có mô hình tự trị về tài chính.

Về phương diện hợp tác, liên kết giáo dục: Về **c**ơ chế liên thông giữa các Học viện chưa rõ ràng, bất cập; chưa có sự gắn kết chặt chẻ giữa đào tạo của Học viện và các trường Trung, Cao đẳng Phật học; Còn nhiều hạn chế trong liên kết đào tạo giữa các Học viện và các cơ sở giáo dục Đại học trong nước và nước ngoài.

2.6.3. Thời cơ

Thứ nhất, sự đổi mới về nhận thức bằng những chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo.

Thứ hai, tăng cường hợp tác và giao lưu quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại tôn giáo, nâng tầm vị thế GHPGVN trên khu vực và trong trường quốc tế. Bằng sự năng động, tích cực của Phật giáo Việt Nam, thích ứng với sự hội nhập của đất nước trong thời kỳ đổi mới, GHPGVN đã có nhiều điều kiện thuận lợi để tham gia các diễn đàn Phật giáo khu vực và quốc tế.

Thứ ba, Phật giáo lấy phương châm duy tuệ thị nghiệp làm kim chỉ nam cho việc tu học, do đó ngay từ những ngày đầu thành lập, vấn đề thành lập cơ sở đào tạo Phật học cho tăng ni đã được GHPGVN coi như nhiệm vụ cấp bách hàng đầu.

Thứ tư, GHPGVN đã mạnh dạn công cử và giới thiệu nhiều tăng ni trẻ tham gia bộ máy lãnh đạo của GHPGVN các cấp.

Thứ năm, GHPGVN ngày càng thể hiện vai trò và là nhân tố tích cực tham gia các phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ sáu, tinh thần, niềm tự hào dân tộc và tự hào truyền thống Phật giáo gần 2000 năm hiện diện trên đất nước Việt Nam đang tạo ra tinh thần cống hiến, dấn thân và trách nhiệm của tăng ni trẻ trong các hoạt động của GHPGVN và của xã hội.

2.6.4. Thách thức

Sự phát triển vũ bảo của khoa học kỹ thuật làm chuyển đổi cuộc sống, sinh hoạt đời thường, trong đó có sinh hoạt của những tu sĩ.

Một vấn đề đặt ra trong giai đoạn có sự chuyển đổi trên nhiều lĩnh vực, đối với tất cả các tôn giáo, đó chính là xu hướng thế tục hoá.

Thách thức lớn do thời đại đặt ra đối với tu sĩ Phật giáo Việt Nam còn là những hạn chế về thông tin, hoạt động của Phật giáo thế giới.

CHƯƠNG 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC TẠI HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

3.1. Nguyên tắc đề xuất

Các biện pháp QLDH tại học viện Phật giáo Việt Nam đảm bảo các nguyên tắc sau: tính hệ thống; tính kế thừa và phát triển; tính tính thực tiễn; tính khả thi

3.2. Biện pháp quản lý dạy học tại Học viện Phật giáo Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Luận án đề xuất 7 biện pháp QLDH như sau: (1) Chỉ đạo điều chỉnh mục tiêu dạy học; (2) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực QLDH của HVPGVN; (3) Chỉ đạo điều chỉnh chương trình dạy học của Học viện đáp ứng yêu cầu thực tiễn; (4) Chỉ đạo đổi mới phương pháp và cách thức tổ chức dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm nhằm phát triển năng lực của người học; (5) Tổ chức kiện toàn bộ máy quản lí dạy học; (6) Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học; (7) Chỉ đạo mở rộng liên kết, hợp tác với các Đại học trong nước và Phật học viện nước ngoài về lĩnh vực QLDH

Các biện pháp trên được trình bày từ mục đích, ý nghĩa biện pháp; Nội dung của biện pháp; Quy trình thực hiện biện pháp; Điều kiện thực hiện biện pháp

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Luận án đã đề xuất 07 biện pháp QLDH căn bản tại Học viện đáp ứng yêu cầu đổi mới. Các biện pháp này cũng cần tiến hành một cách đồng bộ từ lúc

khởi điểm, để cùng chung một đích là đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học. Các biện pháp cơ bản này có mối quan hệ tương tác tạo thành hệ thống trong quá trình đổi mới hoạt động QLDH tại Học viện.

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp

Kết quả thể hiện ở biểu đồ sau

Biểu đồ 3.1: Mối quan hệ giữa "Tính cần thiết" và "Tính khả thi"

Nhận xét: Nhìn biểu đồ 3.1 cho thấy các biện pháp đề xuất đều ở mức độ "Cần thiết" và "Rất khả thi" với điểm trung bình từ 3,87 đến đến 4,8

3.5. Thử nghiệm biện pháp đề xuất

Tên biện pháp: "Chỉ đạo ĐMPP và cách thức TCDH của Học viện theo hướng lấy người học làm trung tâm nhằm phát triển năng lực". ***Mẫu thử nghiệm:*** 01 lớp Ni, Đại học Phật học khóa VII năm thứ hai của Học viện khá tương đồng về mọi mặt cơ bản: chuyên ngành Phật học, Lớp Ni; có nhiều điểm tương đồng về đặc điểm và năng lực học tập, sĩ số 82 Ni sinh; được hỏi kiến phản hồi về mức độ tiến bộ sau khi GS áp dụng phương pháp dạy - học tích cực. ***Địa điểm thử nghiệm:*** Học viện PGVN tại Sóc Sơn, Hà Nội**.** *Thời gian:* Lần 1: Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2016 (Kỳ I); Lần 2: từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2016 (Kỳ II). Lần đo 1 cách lần đo 2 là: 1 tháng.

Kết quả thử nghiệm: Kết quả tính theo điểm thô về mức độ tiến bộ của NS trước và sau khi áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới thông qua hai lần đo : Lớp Ni 1 (lần ĐC), Lớp Ni 1 (lần TN) với điểm trung bình có sự thay đổi. Kết hợp với hệ số tương quan Spearman (r.sp) = 0.86; Spearman = 1; Chỉ số

này cho thấy giữa hai lần đo có tương quan thuận, rất chặt chẽ. Kết quả đó cho thấy độ tin cậy của thử nghiệm cao và đáng tin cậy.

Kết luận chương 3

Căn cứ vào lý luận và thực tiễn QLDH ở Học viện Phật giáo Việt Nam , Luận án đã đề xuất 07 biện pháp quản lý gồm:: (1) Chỉ đạo điều chỉnh mục tiêu dạy học; (2) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực QLDH của HVPGVN; (3) Chỉ đạo điều chỉnh chương trình dạy học của Học viện đáp ứng yêu cầu thực tiễn; (4) Chỉ đạo đổi mới phương pháp và cách thức tổ chức dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm nhằm phát triển năng lực của người học; (5) Tổ chức kiện toàn bộ máy quản lí dạy học; (6) Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học; (7) Chỉ đạo mở rộng liên kết, hợp tác với các Đại học trong nước và Phật học viện nước ngoài về lĩnh vực QLDH

. Kết quả khảo nghiệm, cho thấy các biện pháp đề xuất đều đảm bảo mức độ "cần thiết" và "khả thi" cao. Thử nghiệm của Luận án cho kết quả cao, phản ánh sự thay đổi càng khẳng định mức độ khả thi và cần thiết của các biện pháp.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

QLDH của Học viện đáp ứng yêu cầu ĐMGD bao gồm các nội dung chủ yếu: *(1) Quản lý hoạt động dạy của Giảng sư; (2) Quản lý hoạt động học của Tăng Ni sinh; (3)Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của Tăng Ni sinh; (4)Quản lý phương tiện, cơ sở vật chất, điều kiện đảm bảo thực hiện dạy học.* Việc đưa ra các thành tố phù hợp cho nội dung QLDH tại Học viện Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh mới đã định hình công cụ nghiên cứu thực trạng QLDH ở chương 2 căn cứ theo 4 tiêu chí căn bản đã xác định ở phần lý thuyết, các nội dung này là căn cứ định hướng tổ chức khảo sát để phản ánh thực trạng mức độ đạt được của Học viện về QLDH đáp ứng yêu cầu ĐMGD. Từ kết quả khảo sát đó, đã giúp Luận án hình thành các biện pháp cải tiến tương ứng, bao gồm 7 nhóm biện pháp căn bản: (1) Chỉ đạo điều chỉnh mục tiêu dạy học; (2) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực QLDH của HVPGVN; (3) Chỉ đạo điều chỉnh chương trình dạy học của Học viện đáp ứng yêu cầu thực tiễn; (4) Chỉ đạo đổi mới phương pháp và cách thức tổ chức dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm nhằm phát triển năng lực của người học; (5) Tổ chức kiện toàn bộ máy quản lí dạy học; (6) Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học; (7) Chỉ đạo mở rộng liên kết, hợp tác với các Đại học trong nước và Phật học viện nước ngoài về lĩnh vực QLDH

Đồng thời Luận án chỉ ra các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến QLDH của Học viện đáp ứng yêu cầu ĐMGD, chí thành hai nhóm chủ yếu: Nhóm các yếu tố khách quan: (1) Chính sách tôn giáo của quốc gia; (2)Truyền thống văn hoá, tâm lý, phong tục, đời sống tâm linh của người dân; (3) Môi trường dạy học của HVPGVN. Nhóm các yếu tố chủ quan: (1) Cơ sở pháp lý và chính sách QLDH của Viện trưởng HVPGVN; (2) Sự quan tâm của lãnh đạo GHPGVN đối với dạy học; (3) Vai trò, năng lực lãnh đạo của HVPGVN; (4) Năng lực, phẩm chất của đội ngũ Giảng sư HVPGVN; (5) Ý thức, động cơ học tập, năng lực học tập của TNS.

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Khuyến nghị đối với các chủ thể quản lý dạy học tại Học viện

2.1.1.Trung ương giáo hội Phật giáo Việt Nam

Giáo Hội PGVN quan tâm hơn nữa đến việc chỉ đạo quản lý tại các cơ sở giáo dục Phật giáo tại Việt Nam, nhất là từ bậc cao đẳng trở lên bằng việc thiết lập Ủy ban chuyên trách về công tác ĐBCL để phối hợp với các Ban Giáo dục Tăng Ni như: Ban Hoằng pháp, Ban Hướng dẫn Phật tử, Ban kinh tế tài chính, Ban Từ thiện xã hội để cùng điều hành hiệu quả CL ĐT Phật giáo.

Trong đó Ban giáo dục Tăng Ni cần đổi mới và củng cố hệ thống giáo dục trên nhiều mặt khác nhau: củng cố hệ thống trường lớp đồng bộ từ trên xuống dưới; định hướng nội dung chương trình thống nhất cho từng cấp; thiết lập mô hình dạy học trong đào tạo Phật học theo tiếp cận phát triển năng lực người học nhưng phù hợp với nét đẹp truyền thống. Mặt khác, trên cơ sở thống

nhất Giáo dục Phật giáo trên toàn quốc, Giáo hội cần hội tụ đầy đủ các cơ sở giáo dục về các mặt: trường lớp, thư viện, ký túc xá, giảng đường, phòng họp, văn phòng, khu vui chơi, y tế, vệ sinh… Cùng bộ máy tổ chức hoàn chỉnh như: Hiệu trưởng, Giám đốc hành chính, giám học, giám thị, thư ký, kiểm soát, thủ quỹ…ở các cấp ĐT. Có chương trình, giáo trình, giáo cụ thống nhất trừ một số nơi đặc thù như Khơmer, quy định cụ thể ngôn ngữ giảng dạy để người học hiểu thấu đáo nhất.

2.1.2. Đối với các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan chủ quản liên quan (Ban Tôn giáo Chính phủ, Hội đồng trị sự của Học viện, Viện nghiên cứu tôn giáo, Bộ giáo dục và Đào tạo)

Ban Tôn giáo Chính phủ có chính sách chỉ đạo riêng đối với giáo dục Phật giáo cùng với chính sách về Tôn giáo tại Việt Nam để Phật giáo phát huy vai trò trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước vì mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội.

2.1.3. Lãnh đạo của Học viện Phật giáo việt Nam

Phát huy vai trò đứng đầu của Viện trưởng HVPGVN, khi đó đòi hỏi Viện trưởng phải hội tụ năng lực quản lý, trong đó có QLDH, bên cạnh việc xác định rõ các chức năng lãnh đạo quản lý thì việc quan tâm QLDH làm sao để TNS có thành tích tốt trong học tập là vấn đề Viện trưởng cần sát sao. Khi đó, kế hoạch và tổ chức thực hiện lãnh đạo dạy học của Viện trưởng phải được thực hiện bài bản, thường xuyên theo từng năm học: Ví dụ: kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ giảng viên, kế hoạch thi giảng sư giảng dạy giỏi, kế hoạch thị sát, kiểm tra giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ, kế hoạch tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Học viện, phát triển chương trình, phát triển năng lực lãnh đạo cho giảng sư, gắn kết các nguồn lực trong Học viện…

2.1.4. Đối với đội ngũ giảng sư, cán bộ quản lý giáo dục của Học viện

Để bắt kịp với nhu cầu thay đổi của TNS trong dạy học, bản thân đội ngũ giảng sư, giảng sư kiêm chức - những chủ thể tham gia trực tiếp vào QLDH, cần biết đưa ra các quyết định phù hợp của mình trong quá trình dạy học; vì vậy giảng sư cần phối hợp với lãnh đạo Học viện trong vai trò tìm kiếm, xác định các vấn đề liên quan đến dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới, khi đó giảng sư có vai trò chuyển đổi trong lãnh đạo dạy học, được quyết định các vấn đề liên quan đến dạy học thuộc chức trách của mình. Trong dạy học, GS cần chú trọng đến việc đáp ứng mong đợi của người học, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực thực hiện của người học, thiết kế các hoạt động nhóm, hoạt động thực hành phù hợp để phát huy năng lực thực hiện của người học.

Bản thân đội ngũ giảng sư của Học viện cần tự ý thức về việc nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để luôn có động lực trau dồi, học tập, bồi dưỡng nhất là đối với những vấn đề chuyên môn, kĩ năng nghiệp vụ còn thiếu hụt. Khi đội ngũ giảng sư và đội ngũ nhân sự QLDH của Học viện vững và giỏi về chuyên môn

nghiệp vụ, có tâm huyết và trách nhiệm với nghề, được tạo động lực phấn đấu và làm việc trong một môi trường sư phạm tốt thì họ ngày càng phát huy vai trò làm việc độc lập, hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả QLDH của Học viện.

2.2. Đối với chính quyền, đoàn thể, cộng đồng địa phương

Tiếp tục có sự đầu tư, quan tâm thỏa đáng cho GDPG và Học viện PGVN bởi chính những giá trị nhân văn mà giáo dục Phật giáo mạng lại. Thêm vào đó việc tăng cường liên kết với các Học viện Phật giáo trong việc truyền giảng thuyết pháp đạo Phật cũng là một gợi ý cho các từ đường, địa điểm sinh hoạt văn hóa tâm linh của địa phương để người dân có cơ hội tiếp cận triết lý chính thống của nhà Phật, hướng tới hành vi từ bi hỷ xả, tránh xa các khuynh hướng sai lệch.

2.3. Đối với đội ngũ Tăng Ni sinh

Kết quả nghiên cứu thực trạng và thử nghiệm cho thấy, vấn đề thay đổi nhận thức hình thành các kĩ năng cũng đã khó và đòi hỏi một quá trình nhất định, nhưng chậm hơn cả vẫn là thái độ, ý thức, động cơ học tập của TNS, vì thế TNS cần tích cực chủ động hơn nữa để có những thay đổi về thái độ, hình thành động cơ học tập đúng đắn đó là vì yêu thích và sẵn sàng cống hiến cho nghiệp sự nhà Phật, mạnh dạn bỏ đi những quan niệm không còn phù hợp để dấn thân, trải nghiệm, dám cải tiến, thay đổi khi biết chắc điều đó là có ích thì việc áp dụng các tri thức, kĩ năng vào cải thiện các vấn đề của cuộc sống mới thật sự hiệu quả, từ đó các Phật sự mới có cơ sở hình thành và phát triển ở Tăng Ni sinh./.